

Mục tiêu đưa nợ xấu về dưới 3% vào cuối năm 2015 - Liệu có khả thi?

Phấn đấu đến cuối năm 2015 đưa tỉ lệ nợ xấu về dưới 3% là một trong những mục tiêu quan trọng của đề án tái cơ cấu hệ thống ngân hàng giai đoạn 1. Đây là mục tiêu cần thiết, không chỉ với việc xử lý nợ xấu của ngành Ngân hàng, mà còn rất quan trọng đối với nền kinh tế, nằm trong kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội năm 2015 vừa được Quốc hội thông qua. Nợ xấu được kiểm soát giúp việc khơi thông dòng chảy tín dụng tốt hơn, đồng thời góp phần phát triển bền vững hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam.

NCS. ĐÀO THỊ LAN HƯƠNG

Học viện Ngân hàng

Từ khóa: nợ xấu, tái cơ cấu ngân hàng

1. Sự thay đổi của nợ xấu giữa Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Thông tư 02/2013/TT-NHNN

Ngày 21/01/2013, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã ban hành Thông tư 02/2013/TT-NHNN về việc phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng (TCTD). Văn bản này thay thế cho Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro của TCTD và một số văn bản khác liên quan. Theo đó, Thông tư 02 có một số thay đổi về nợ xấu so với Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, cụ thể như sau:

Cũng giống như Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, các khoản nợ được coi là nợ xấu đó là nợ nhóm 3, 4 và 5. Tuy nhiên, theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN các khoản nợ xấu được cụ thể và bổ sung thêm nhiều trường hợp.

Nợ nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn) bao gồm nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày, nợ gia hạn lần đầu và nợ được miễn giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng. Đặc biệt, nợ nhóm 3 được bổ sung thêm các trường hợp:

- Nợ của khách hàng hoặc bên bảo đảm là tổ chức, cá nhân

thuộc đối tượng mà TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (NHNNg) không được cấp tín dụng theo quy định.

- Nợ được bảo đảm bằng cổ phiếu của chính TCTD hoặc công ty con của tổ TCTD hoặc tiền vay được sử dụng để góp vốn vào một TCTD khác trên cơ sở TCTD cho vay nhận tài sản đảm bảo bằng cổ phiếu của chính TCTD nhận vốn góp.

- Nợ không có bảo đảm được cấp với điều kiện ưu đãi hoặc giá trị vượt quá 5% vốn tự có của TCTD, chi nhánh NHNNg khi cấp cho khách hàng thuộc đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng theo quy định.

- Nợ cấp cho công ty con, công ty liên kết của TCTD hoặc doanh nghiệp mà TCTD nắm quyền kiểm soát có giá trị vượt các tỷ lệ giới hạn theo quy định.

- Nợ có giá trị vượt quá giới hạn cấp tín dụng, trừ trường hợp được phép vượt giới hạn, theo quy định của pháp luật.

- Nợ vi phạm các quy định của pháp luật về cấp tín dụng, quản lý ngoại hối và các tỷ lệ đảm bảo an toàn với TCTD, chi nhánh NHNNg.

- Nợ vi phạm các quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý tiền vay, chính sách dự phòng rủi ro của các TCTD, chi nhánh NHNNg.

- Nợ đang thu hồi theo kết luận thanh tra.

Nợ nhóm 4 (nợ nghi ngờ) sẽ bao gồm các khoản nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo

thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ 2; Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng đã quá thời hạn thu hồi đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được...

Nợ nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn) bao gồm nợ quá hạn trên 360 ngày, nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn.

Như vậy, Thông tư 02 có một số tiêu chí chặt chẽ trong việc phân loại nợ, những quy định chi tiết từ Thông tư 02 đã đưa việc phân loại nợ xấu ở mức cao hơn so với quy định trước đây, không chỉ là thời gian chậm thanh toán mà là mối quan hệ cấp tín dụng giữa TCTD với khách hàng và tài sản cấp tín dụng được đảm bảo bởi cổ phiếu của TCTD.

- Các khoản nợ bị gia hạn nợ lần đầu sẽ được đưa vào nợ nhóm 3 thuộc nhóm nợ xấu, thay vì nếu gia hạn nợ trong thời hạn vẫn được xếp vào nhóm 2 theo Quyết định 493.

- Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng cũng được đưa vào nhóm nợ xấu.

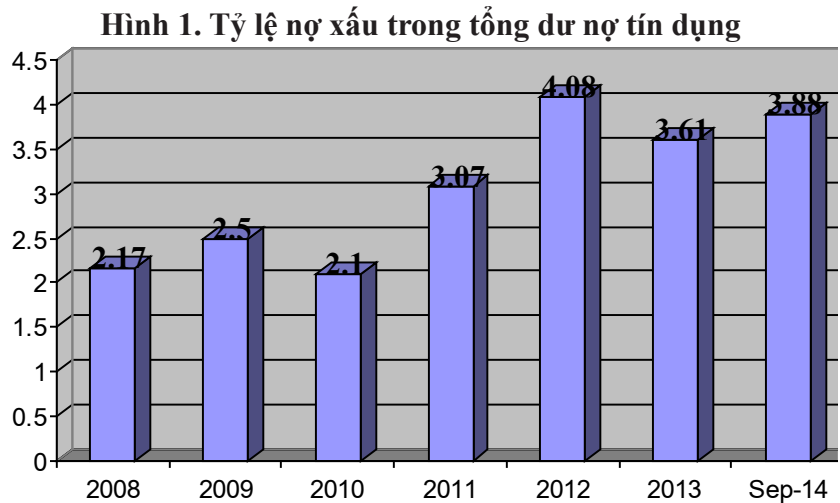
- Ngoài các tiêu chí để phân loại nợ từ đặc tính khả năng trả nợ của khách hàng, điểm mới được đánh giá khá khắc nghiệt

là xem xét hoạt động cấp tín dụng cho những đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng hoặc cấp tín dụng có điều kiện theo Luật Các TCTD sửa đổi 2010. Chẳng hạn, nếu như trước đây trong hoạt động cấp tín dụng của các NHTM, việc cấp tín dụng cho các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng bị hạn chế tín dụng diễn ra rất thường xuyên thì nay được đưa vào nhóm 3, “nợ dưới tiêu chuẩn” trong nhóm chỉ tiêu nợ xấu.

- Hoạt động cho vay cầm cố cổ phiếu của các TCTD hoặc các công ty con của TCTD này để góp vốn vào TCTD khác trong hệ thống các NHTM cũng là những khoản cho vay được liệt kê vào nhóm nợ xấu. Quy định này xếp các khoản tín dụng theo kiểu đầu tư chéo lẫn nhau sẽ bị hạn chế khi liệt kê vào nhóm nợ xấu mà quy định trước đây không đề cập đến.

- Nợ cấp cho các công ty con, công ty liên kết mà TCTD đang nắm quyền kiểm soát không vượt quá tỷ lệ quy định.

Bên cạnh đó, Thông tư 02 cũng ban hành thêm khái niệm “Tỷ lệ cấp tín dụng xấu” là tỷ lệ giữa tổng nợ và cam kết ngoại bảng từ nhóm 3 đến nhóm 5 so với các cam kết ngoại bảng từ nhóm 1 đến nhóm 5. Thông tư 02 còn bổ sung vai trò của Trung tâm Thông tin tín dụng (CIC) trong việc thu thập số liệu, thông tin khách hàng, xây dựng hệ thống xếp hạng nội bộ và các quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý tiền vay và chính sách dự phòng rủi ro. TCTD



Nguồn: NHNN

phải thường xuyên thực hiện thu thập, khai thác thông tin, số liệu về khách hàng từ CIC để: Sửa đổi, bổ sung hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý tiền vay, chính sách dự phòng rủi ro; Theo dõi, đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng sau khi đã xếp hạng theo hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, có biện pháp quản lý rủi ro, quản lý chất lượng tín dụng phù hợp; Thực hiện phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng theo quy định tại Thông tư này. Theo đó, TCTD ít nhất mỗi quý một lần phải gửi cho CIC kết quả tự phân loại nợ để

CIC tổng hợp danh sách khách hàng theo nhóm nợ có mức độ rủi ro cao nhất, sau đó TCTD sẽ sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ khách hàng do CIC cung cấp để điều chỉnh kết quả tự phân loại của mình và trích lập đủ số dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định. Quy định mới nhằm thống nhất việc phân loại nhóm nợ đối với một khách hàng cụ thể, tránh tình trạng khách hàng có nợ xấu tại NHTM này có thể tiếp tục vay tại NHTM khác, làm gia tăng rủi ro hệ thống.

2. Thực trạng nợ xấu và xử lý nợ xấu của các TCTD trong thời gian qua

Nợ xấu bắt đầu thể hiện

Bảng 1. Tỷ lệ nợ xấu của một số NHTM Việt Nam

Đơn vị tính: %

Năm	2008	2009	2010	2011	2012	Hết quý III/2013	Hết quý III/2014
VCB	3,87	2,00	2,91	2,10	3,21	2,80	2,54
BIDV	4,80	2,82	2,60	2,80	2,67	2,78	1,97
CTG	1,02	0,61	1,27	0,74	1,46	2,10	1,75
ACB	0,08	0,40	1,07	0,89	2,10	2,98	3,07
STB	0,23	0,69	0,52	0,57	1,40	2,51	0,98
TCB	1,40	2,00	2,29	2,83	2,94	5,20	2,96
AGR	2,70	3,97	2,60	6,67	6,14	6,54	-
MB	1,10	1,66	1,30	1,59	1,84	2,44	3,1

Nguồn: Báo cáo tổng kết hoạt động của NHNN từ năm 2008- quý III/2014

xu hướng tăng từ năm 2008. Thực chất, nợ xấu của Việt Nam được tích tụ từ nhiều năm trước. Từ cuối năm 2008, do năng lực quản trị của nhiều TCTD và doanh nghiệp còn yếu kém, một số trường hợp vi phạm pháp luật, cùng với tác động tiêu cực của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, thị trường tài chính, thị trường bất động sản bị ảnh hưởng nghiêm trọng, sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp thua lỗ, không trả được nợ, dẫn đến chất lượng tín dụng suy giảm và nợ xấu có xu hướng gia tăng. Đến cuối năm 2011, nợ xấu của Việt Nam đặc biệt được quan tâm do tốc độ gia tăng ở mức cao. Đây cũng là năm đầu tiên NHNN chủ động công bố tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng. Theo đó, nợ xấu toàn hệ thống cuối năm 2011 được

công bố ở mức 3,07%. Các năm sau đó, nợ xấu luôn duy trì ở mức cao. Nợ xấu làm cho nhiều doanh nghiệp không vay được vốn, sản xuất kinh doanh khó khăn đình trệ, ảnh hưởng đến việc làm, đời sống và tăng trưởng kinh tế. Nợ xấu còn làm cho tình hình tài chính của các TCTD không lành mạnh, thanh khoản khó khăn, một số NHTM đứng trước nguy cơ đổ vỡ, đe dọa an toàn hệ thống và ổn định kinh tế vĩ mô.

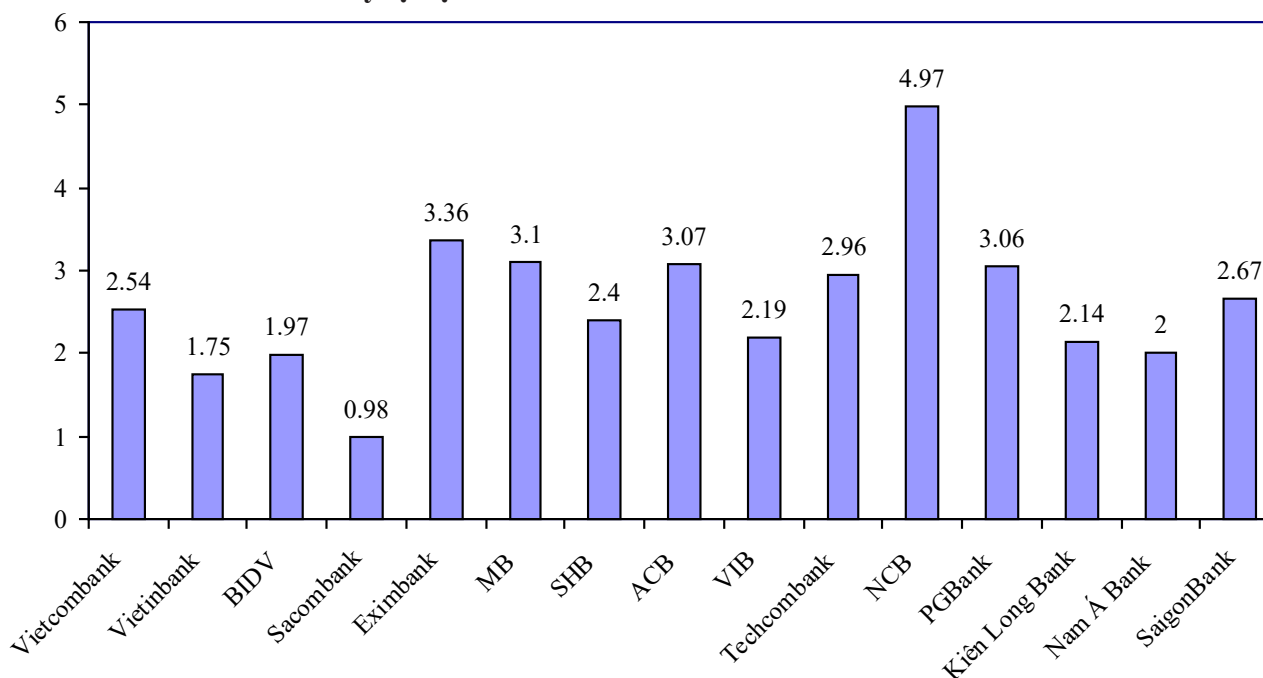
Số liệu công bố về nợ xấu của NHNN như Hình 1 là tổng hợp báo cáo của các NHTM. Năm 2012, theo công bố chính thức của NHNN, nợ xấu ở mức 8,86%, cao hơn nhiều so với báo cáo từ các TCTD là 4,08%. Cũng theo báo cáo của các TCTD, tỷ lệ nợ xấu đến cuối tháng 9/2014 còn khoảng 3,88% và có xu hướng giảm: Tháng 6/2014 là 4,17%; tháng

7 là 4,11%; tháng 8/2014 là 3,9%. Tuy nhiên, theo đánh giá của NHNN, tỷ lệ nợ xấu đến cuối tháng 9/2014 khoảng 5,4%. Việc NHNN đánh giá tỷ lệ nợ xấu cao hơn là do thực hiện giám sát và đánh giá lại chặt chẽ hơn việc phân loại nợ của các TCTD.

Theo báo cáo của NHNN, đa số những NHTM lớn có tỷ lệ nợ xấu ở mức an toàn (dưới 3%), trừ Agribank.

Cụ thể, tỷ lệ nợ xấu của một số NHTMCP như Ngoại thương Việt Nam (VCB), Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Công thương Việt Nam (CTG), Sài Gòn Thương tín (STB), Techcombank (TCB), Quân Đội (MB) và NHTMNN như Agribank (AGR) khá cao, trong đó Agribank có tỷ lệ nợ xấu cao nhất trong các ngân hàng, kể đến là BIDV và thứ ba là Vietcombank và Techcombank.

Hình 2. Tỷ lệ nợ xấu của 15 NHTMCP thời điểm 30/9/2014



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2014 của các ngân hàng

Giai đoạn 2008- 2010, VCB, BIDV và AGR có tỷ lệ nợ xấu gần bằng nhau. Tuy nhiên, vào giai đoạn 2011- quý III/2013 thì tỷ lệ nợ xấu của AGR có xu hướng tăng rất cao, tương đương gần 300% so với giai đoạn 2008- 2010, và cao nhất vào năm 2011, lên đến 6,67%. Bên cạnh các ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu khá cao thì ba ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất là CTG, ACB, STB (năm 2008 tỷ lệ nợ xấu của ACB chỉ có 0,08%).

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 30/9/2014 của các ngân hàng đã công bố cho thấy, có 5 ngân hàng gồm NCB, Eximbank, SCB, PGBank, MB hiện đang có tỷ lệ nợ xấu trên 3%. Techcombank có tỷ lệ nợ xấu xấp xỉ 3%. Tiếp đến là SaigonBank với tỷ lệ nợ xấu 2,67%. Sacombank hiện là ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất trong số các ngân hàng có báo cáo, đạt 0,98%.

Tỷ lệ nợ xấu của nhiều ngân hàng cuối quý III/2014 đã tăng so với cùng kỳ năm 2013 như ACB, MB. Nguyên nhân được lý giải một phần do việc Thông tư 02 về phân loại nợ có hiệu lực thi hành đã giúp phân loại rõ ràng, phản ánh thực chất hơn tình trạng nợ của các TCTD.

Theo kinh nghiệm quốc tế, để xử lý nợ xấu nhanh và hiệu quả, các nước thường phải chi một khoản lớn từ Nhà nước, đồng thời phải có khuôn khổ pháp lý hoàn chỉnh về xử lý nợ xấu và có thị trường tài chính phát triển. Việc xử lý nợ xấu ở Việt Nam gặp nhiều khó khăn

và cần phải có thời gian, do khuôn khổ pháp lý chưa hoàn chỉnh, không có nguồn ngân sách Nhà nước và cũng chưa có kinh nghiệm xử lý. Kết quả xử lý nợ xấu đạt được trong thời gian qua là sự nỗ lực rất lớn của cả các TCTD và NHNN, song còn chưa được như mong muốn.

Theo báo cáo tình hình kinh tế- xã hội năm 2014 và nhiệm vụ năm 2015, đến hết tháng 9/2014 đã xử lý trên 53,6% tổng số nợ xấu được xác định trong Đề án thông qua thu nợ, bán phát mại tài sản đảm bảo, bán nợ, cơ cấu lại nợ và sử dụng dự phòng rủi ro. Đến hết năm 2014, VAMC đã mua trên 123 nghìn tỷ đồng nợ xấu và đang từng bước xử lý theo quy định, trong đó đã bán, thu hồi được khoảng 4 nghìn tỷ đồng nợ xấu.

3. Về mục tiêu giảm nợ xấu xuống dưới 3% của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước

Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu TCTD và xử lý nợ xấu là những nội dung quan trọng được đề ra tại Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 03/01/2015 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2015. Theo đó, Chính phủ yêu cầu NHNN chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương đẩy nhanh tiến độ xử lý nợ xấu, phấn đấu đến cuối năm 2015 đưa tỷ lệ nợ xấu về dưới 3% gắn với cơ cấu lại các TCTD.

Mục tiêu đưa nợ xấu của ngành về 3% trong năm 2015 của NHNN là có cơ sở, khi mà nền kinh tế đã có những bước phục hồi mạnh mẽ: Tăng trưởng GDP năm 2014 đạt 5,9%, lạm phát thấp, một số chỉ tiêu khác cũng rất khả quan như xuất khẩu, tỷ giá ổn định, dự trữ ngoại hối tăng, lãi suất giảm... Nếu đề phục hồi này được duy trì cùng với việc thực hiện tốt tái cơ cấu các doanh nghiệp Nhà nước, tái cơ cấu đầu tư công và tiếp tục thay đổi môi trường đầu tư, thì mục tiêu giảm nợ xấu xuống mức dưới 3% là hoàn toàn khả thi.

Hỗ trợ cho thực hiện mục tiêu này là hai văn bản quan trọng của NHNN, có hiệu lực vào những tháng đầu năm 2015:

- Thông tư 36/2014/TT-NHNN (thay thế Thông tư 13 năm 2010) về Quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hiệu lực từ ngày 01/02/2015. Theo đó, có tỷ lệ nợ xấu dưới 3% là một trong những điều kiện để ngân hàng được nắm giữ cổ phần TCTD khác hay cho vay đầu tư, kinh doanh cổ phiếu.

- Thống đốc NHNN cũng đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-NHNN về tăng cường xử lý nợ xấu của TCTD. Theo Chỉ thị này, để tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp xử lý nợ xấu của các TCTD, phấn đấu đưa tỷ lệ nợ xấu về mức dưới 3% đến cuối năm 2015 theo Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc yêu cầu

các TCTD nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn hoạt động ngân hàng, cơ cấu lại nợ, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro; nghiêm cấm sử dụng biện pháp che giấu nợ xấu, phản ánh sai lệch chất lượng tín dụng và kết quả kinh doanh; Nghiêm cấm lợi dụng việc xử lý nợ xấu để trục lợi, vi phạm pháp luật, gây thiệt hại cho TCTD; Triển khai các biện pháp kiểm soát nợ xấu phát sinh mới và nâng cao chất lượng tín dụng; Xây dựng và báo cáo NHNN kế hoạch xử lý nợ xấu năm 2015 (chi tiết chỉ tiêu xử lý nợ xấu cho từng tháng), trong đó có các giải pháp về sử dụng dự phòng rủi ro, bán nợ xấu cho VAMC, đảm bảo đến ngày 30/6/2015 phải xử lý được tối thiểu 60% số nợ xấu phải xử lý theo kế hoạch năm 2015, riêng chỉ tiêu bán nợ xấu cho VAMC phải đạt không dưới 75% tổng số nợ xấu dự kiến bán cho VAMC cả năm 2015 để đến cuối năm đưa nợ xấu về mức dưới 3% tổng tài sản có được phân loại; Rà soát, tiết giảm các chi phí hoạt động và tập trung mọi nguồn lực cho việc xử lý nợ xấu; Tích cực, chủ động triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp xử lý nợ xấu; Kịp thời báo cáo NHNN tình hình, kết quả phân loại nợ, trích lập dự phòng và xử lý nợ xấu...

4. Các giải pháp cơ bản để thực hiện mục tiêu giảm nợ xấu xuống dưới 3% đến cuối năm 2015

Để thực hiện mục tiêu giảm nợ xấu xuống mức dưới 3%

trong năm 2015 cần có sự nỗ lực của cả hệ thống các TCTD, các bộ ngành trong cả nước cũng như sự đồng lòng của các doanh nghiệp trong quan hệ tín dụng với các TCTD. Trong thời gian vừa qua, các ngân hàng đã và đang tích cực xử lý nợ xấu bằng cách thu hồi nợ, phát mãi tài sản, trích dự phòng rủi ro và đẩy mạnh bán nợ xấu cho VAMC. Nhưng ngoài trích dự phòng, 3 giải pháp còn lại vẫn gặp nhiều khó khăn. Trong đó, việc bán nợ xấu cho VAMC cũng chỉ mới làm sạch được bảng cân đối kế toán, còn nợ xấu chưa xử lý được tận gốc. Vì vậy, trong thời gian tới cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, tăng quyền cho VAMC và hình thành thị trường mua- bán nợ. Để xử lý nợ xấu, VAMC cần thực hiện 2 giai đoạn: mua gom nợ xấu và bán nợ xấu thì hiện nay VAMC mới thực hiện giai đoạn thứ nhất là đi gom nợ xấu trong sổ sách của các ngân hàng lại. Hơn nữa, với mức vốn điều lệ quá nhỏ (500 tỷ) thì việc mua nợ xấu của VAMC còn rất hạn chế. Chính phủ cần xem xét tăng thêm vốn cho VAMC từ mức 500 tỷ đồng hiện tại lên 2.000 tỷ đồng nhằm gia tăng nguồn lực, tiềm lực tài chính cho VAMC để phát huy vai trò của VAMC trong việc mua và xử lý nợ xấu. Hiện nay, sau khi mua nợ xấu từ các NHTM, VAMC vẫn chưa thể bán ra bởi chưa có thị trường mua- bán nợ. Việc thành lập thị trường mua bán nợ xấu là hết sức cần

thiết. Chính phủ cần sớm ban hành các luật lệ và khuôn khổ pháp lý để một thị trường như thế ra đời, tạo thuận lợi cho việc xử lý nợ xấu, nhất là các quy định về mua, bán nợ và tài sản bảo đảm. Phát triển mạnh thị trường mua bán nợ; khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước mua bán nợ xấu và tài sản bảo đảm, nhất là các đối tác chiến lược tham gia vào quá trình tái cơ cấu TCTD và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, VAMC mua nợ xấu bằng các chính sách khuyến khích đặc thù sao cho các NHTM nhận thấy việc bán nợ xấu cho VAMC đem lại lợi ích rõ ràng mới hy vọng nợ xấu giảm nhanh.

Thứ hai, NHNN cần yêu cầu các NHTM tính toán và báo cáo thực chất nợ xấu hiện tại, nợ xấu có khả năng phát sinh mới, rồi giao chỉ tiêu giải quyết nợ xấu cho từng ngân hàng từ nay đến hết năm 2015. Theo kế hoạch, cuối năm 2015 VAMC sẽ thực hiện mua nợ xấu theo giá thị trường thay vì mua theo giá trị sổ sách hiện nay. Kinh nghiệm thế giới cho thấy Công ty mua bán nợ thường chỉ mua lại khoản nợ bằng 20-50% giá trị sổ sách tùy thuộc vào chất lượng nợ và chất lượng tài sản thế chấp. Do vậy, khi bán nợ, ngân hàng sẽ bị thua lỗ rất lớn. Vì thế, các NHTM cần có kế hoạch tự giải quyết nợ xấu.

Thứ ba, các TCTD cần chú trọng hơn vào biện pháp chuyển nợ thành vốn góp cổ phần. Thay vì chỉ tập trung vào các danh mục đầu tư tài chính, các TCTD cần cân nhắc đầu tư

vào các lĩnh vực ngành nghề khác nhau, để có thể chủ động tham gia vào việc khôi phục lại hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cùng với việc nâng cao chất lượng khi thẩm định hồ sơ cho vay.

Thứ tư, đẩy mạnh quá trình hợp nhất, sáp nhập giữa các TCTD. Không chỉ sáp nhập mang tính tự nguyện mà NHNN cần can thiệp bắt buộc để lành mạnh hệ thống. Trong đó, hướng đến các NHTMCP lớn có sự chi phối của NHNN đã được cổ phần hóa và niềm yết sẽ sáp nhập thêm một hoặc một vài NHTM nhỏ khác, nhằm tạo sự minh bạch và ngày một lớn mạnh hơn. Khi sáp nhập các ngân hàng nhỏ vào ngân hàng lớn, tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng sau sáp nhập sẽ giảm xuống.

Thứ năm, ngoài việc đẩy mạnh sáp nhập, hợp nhất để giảm nợ xấu, thì yếu tố thị trường, mà cụ thể là sức mua, cũng ảnh hưởng đáng kể đến quá trình xử lý nợ xấu. Kích cầu có tác dụng đẩy nhanh tiến

độ xử lý nợ xấu, trong đó có cả kích cầu bất động sản bằng cách giảm lãi suất, mở rộng tín dụng đối với lĩnh vực này. Nếu thị trường bất động sản tan băng sẽ là điều kiện tốt nhất để xử lý nợ xấu.

Đồng thời với các giải pháp nêu trên, nếu đã phục hồi nền kinh tế được duy trì, môi trường kinh tế vĩ mô ổn định, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và trách nhiệm xử lý nợ xấu của doanh nghiệp cùng với việc thực hiện tốt tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, tái cơ cấu đầu tư công và tiếp tục thay đổi môi trường đầu tư thì mục tiêu giảm nợ xấu xuống mức 3% là hoàn toàn khả thi, bảo đảm an toàn cho hoạt động của hệ thống các TCTD Việt Nam. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2014 của các NHTM
2. Báo cáo tổng kết của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
3. Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN

4. Thông tư số 02/2013/TT-NHNN của Thống đốc NHNN

5. <http://www.vcci.com.vn/>;
<http://ors.com.vn/>; <http://www.baocongthuong.com.vn/>;
<http://sbvamc.vn/>; <http://baodautu.vn/>;
<http://www.chinhphu.vn/>



Vui cười

Giữ mời cả tay

Điện thoại reo ở trung tâm hỗ trợ Khách hàng: "máy tính của tôi bị treo!".

- Hãy khởi động lại.
- Bằng cách nào?
- Nhấn tổ hợp nút Ctrl + Alt + Delete!
- Không có chuyển biến gì cả.
- Vậy thì nhấn nút reset, 10 phút sau hãy gọi lại!
- Sau 10 phút, chuông điện thoại lại reo:
- Vẫn chưa làm việc!
- Thế đã nhấn nút reset chưa?
- Rồi.
- Sao nữa?
- Tôi vẫn đang giữ nó đây, mời tay quá!
- !!!!!

SUMMARY

The goal of putting the bad debt ratio less than 3% by the end of 2015- Is it feasible?

Striving to put the bad debt ratio less than 3% by the end of 2015 is one of the important objectives of the proposal to restructure the banking system phase 1. This is a necessary goal, not only for the treatment of performing loans of the banking sector, but also very important for the economy, in the plan of socio-economic development in 2015 which was approved by National Assembly. Bad debts under control to help unfreeze the credit flow better, while contributing to sustainable development system commercial banks of Vietnam.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Đào Thị Lan Hương, Nghiên cứu sinh

Đơn vị công tác: Khoa Quản trị kinh doanh, Học viện Ngân hàng

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Khoa học & Đào tạo NH; Tạp chí Thị trường - Tài chính Tiền tệ

Email: huongdao.hvnh@gmail.com